

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi.

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1950; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1952; (có mặt)

Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông và bà Lê Thị T kết hôn vào ngày 22/01/1974 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, bà T có biểu hiện quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác; ngoài ra bà T còn nghi ngờ ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, có thái độ coi thường ông, nhiều lần sỉ nhục xúc phạm danh dự ông và gia đình ông. Từ nhiều năm nay, vợ chồng ông đã sống ly thân mỗi người một

nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung, các con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như ông Đ đã khai. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ có biểu hiện quan hệ không lành mạnh với nhiều người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình, lại còn ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Bà đã tha thứ cho ông Đ nhiều lần để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng bà sống ly thân khoảng 4 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà không đồng ý ly hôn vì bà nghĩ thương con cái. Tại phiên tòa, bà đồng ý ly hôn với ông Đ vì bà đã phải chịu đựng ông Đ nhiều năm nay.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung. Do các con đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Bà nhất trí để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương; lời khai của hàng xóm của ông Đ, bà T đều thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Đ và bà T có nhiều mâu thuẫn, những năm gần đây thì mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà T thường xuyên chửi bới, có lời lẽ, hành vi xúc phạm chồng và gia đình chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trọng Đ và bà Lê Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ và ý kiến của bà T, Hội đồng xét xử thấy: Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc, vợ chồng ông Đ bà T đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thiếu tin tưởng nhau, thiếu sự cảm thông chia sẻ trong cuộc sống, từ đó có những xử sự chưa phù hợp, chưa tôn trọng lẫn nhau. Thực tế vợ chồng ông bà đã sống ly thân gần bốn năm nay. Kết quả xác minh, chính quyền địa phương và hàng xóm nơi vợ chồng ông bà cư trú cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay ông Đ xác định không còn tình cảm với bà T nên xin ly hôn với bà T, bà T nhất trí. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông Đ, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông Đ, bà T có 03 con chung, do các con đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Ông Đ, bà T đều ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét và dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác nếu sau này các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản.

[4]. Về án phí: Tại thời điểm thụ lý và xét xử vụ án, ông Đ, bà T đã trên 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Vì vậy ông Đ, bà T được miễn nộp toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Nguyễn Trọng Đ ly hôn bà Lê Thị T.
2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng Đ và bà Lê Thị T.
3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T., huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung